

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

(Kèm theo Hợp đồng Dịch vụ đấu giá tài sản số 53/2025/HĐĐG/VTKH-BTN ngày 09/5/2025)

TT	Tên vật tư thiết bị bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn vị tính quy đổi	Số lượng thu hồi theo đơn vị quy đổi	Tổng số (kg)
1	GFMJ 2v-400AH	binh	24	kg	25,50	612,00
2	PNGB 25000 2V- 500AH	binh	24	kg	33,00	792,00
3	K&V 12 V-200 Ah	binh	4	kg	55,50	222,00
4	Newmax PNGB24000	binh	24	kg	20,50	492,00
5	ABSOLYTE GNB- 350 12V	binh	24	kg	20,80	499,20

6	PNGB 23000	binh	24	kg	20,00	480,00
7	2GM 2V450Ah	binh	24	kg	30,00	720,00
8	Newmax PNGB 2400 2V400AH	binh	24	kg	20,00	480,00
9	Newmax PNGB 2400 2V400AH	binh	24	kg	20,00	480,00
10	SG2000 12V 200Ah	binh	4	kg	67,00	268,00
11	SG2000P 12V 200Ah	binh	4	kg	57,00	228,00
12	Posmax 200Ah	binh	8	kg	57,00	456,00
13	Posmax 200Ah	binh	8	kg	57,00	456,00
14	Posmax 200Ah	binh	8	kg	57,00	456,00
15	6GFMJ 12V-200AH	binh	4	kg	62,00	248,00
16	6GFMJ 12V-200AH	binh	4	kg	62,00	248,00
17	POSMAX PNGB 25000P 2V-500Ah	binh	24	kg	33,00	792,00

18	POSMAX-12V- 200Ah	bình	8	kg	66,06	528,48
19	NEWMAC PNGB24000 2V-400Ah	bình	24	kg	20,00	480,00
20	6GFMJ-12V-200Ah	bình	8	kg	62,08	496,64

21	Sonnenschein A602/200- 2V-224	bình	24	kg	17,62	422,88
22	Sonnenschein A602/200- 2V-224	bình	24	kg	17,62	422,88
23	Sonnenschein A602/200- 2V-224	bình	24	kg	17,62	422,88
24	Sonnenschein A602/200- 2V-224	bình	24	kg	17,62	422,88
25	VARTA-250-2V- 250	bình	48	kg	20,58	987,84
26	Postef 2V-500Ah	bình	24	kg	29,00	696,00
27	Postef 12V-150Ah	bình	8	kg	52,00	416,00
28	Postef 2V-300Ah	bình	24	kg	18,00	432,00
29	Interpower 12V- 200Ah	bình	4	kg	61,00	244,00
30	Postef 2V-300Ah	bình	24	kg	18,00	432,00
31	Postef 12V-150Ah	bình	8	kg	52,00	416,00
32	Bình accu nước 12V -N43AH	bình	4	kg	8,00	32,00
33	Bình accu nước 12V- N15AH	bình	4	kg	4,80	19,20
34	Bình accu nước 12V-N7,5AH	bình	8	kg	2,40	19,20
35	Bình accu khô 12V- 5AH	bình	1	kg	2,00	2,00

36	Bình accu nước 12V- N70AH	bình	4	kg	13,60	54,40
37	Bình accu khô 12V-70AH	bình	1	kg	17,00	17,00
38	Accu Shoto 150Ah	bình	8	kg	43,50	348,00

39	Bình accu nước 12V- N70AH	bình	2	kg	15,20	30,40
40	Accu PNGB2400 2V/400Ah	bình	24	kg	20,50	492,00
41	Bình accu khô 12V- 70AH	bình	1	kg	17,50	17,50
42	Đồng nai 100Ah 12v còn axit	bình	1	kg	23,00	23,00
43	Đồng nai 90Ah 12v còn axit	bình	3	kg	19,50	58,50
44	Đồng nai 75Ah 12v còn axit	bình	1	kg	18,00	18,00
45	Đồng nai 70Ah 12v còn axit	bình	7	kg	17,50	122,50
46	Đồng nai 100Ah 12v còn axit	bình	3	kg	20,00	60,00
47	Đồng nai 85Ah 12v còn axit	bình	1	kg	16,00	16,00
48	Đồng Nai 12V/70ah	bình	1	kg	17,00	17,00
49	Đồng Nai 12V/70ah	bình	2	kg	17,00	34,00
50	Accu GS N70 (12V-70ah)	bình	4	kg	14,40	57,60

51	Accu GS N70E (12V-70ah)	bình	1	kg	14,40	14,40
52	Đồng Nai (12V-70ah)	bình	2	kg	13,60	27,20
53	Accu GS N70 (12V-70ah)	bình	3	kg	15,20	45,60
54	GS 12V-70ah	bình	4	kg	14,59	58,37
55	Đồng Nai (12V- 90AH)	bình	2	kg	16,00	32,00
56	Đồng Nai (12V-70AH)	bình	5	kg	13,60	68,00
57	Đồng Nai (12V-70AH)	bình	2	kg	13,60	27,20
58	Đồng Nai (12V-85AH)	bình	1	kg	16,00	16,00
59	Đồng Nai (12V-88AH)	bình	1	kg	17,60	17,60
60	Đồng Nai (12V-60AH)	bình	1	kg	12,00	12,00
61	Đồng Nai (12V-50AH)	bình	1	kg	12,00	12,00
62	Đồng Nai (12V-70AH)	bình	1	kg	15,88	15,88
63	GS (12V-100AH)	bình	1	kg	21,32	21,32

64	Đồng Nai (12V-90AH)	bình	1	kg	17,04	17,04
65	Đồng Nai (12V- 100AH)	bình	1	kg	22,76	22,76

66	Đồng Nai (12V- 100AH)	bình	1	kg	21,88	21,88
67	Đồng Nai (12V-85AH)	bình	1	kg	17,36	17,36
68	Sonnénchein 2V- 200Ah	bình	48	kg	18,00	864,00
69	Đồng Nai (12V-70AH)	bình	1	kg	15,08	15,08
70	Đồng Nai (12V-85AH)	bình	1	kg	17,84	17,84
71	Đồng Nai (12V-85AH)	bình	1	kg	16,84	16,84

2. Chủng loại, số lượng, giá tiền máy điều hoà không khí

TT	Tên vật tư thiết bị	Đơn vị tính quy đổi	Số lượng theo đơn vị quy đổi
1	Máy lạnh tủ đứng Daikin 100.000 BTU	Hệ thống	1
2	Máy lạnh chính xác thổi sàn thổi từ dưới sàn, sử dụng quạt, bộ điều khiển UG40 TDAR0921A CAP1011 100.000 BTU	Hệ thống	1
3	Máy lạnh chính xác thổi sàn thổi từ dưới sàn, sử dụng quạt, bộ điều khiển UG40 TDAR0921A CAP1011 100.000 BTU	Hệ thống	1
4	Máy lạnh chính xác thổi sàn thổi từ dưới sàn, sử dụng quạt, bộ điều khiển UG40 TDAR0921A CAP1011 100.000 BTU	Hệ thống	1
5	Máy điều hòa Carrier tủ đứng 48 000 BTU/38s c6/42sc6	Bộ	1
6	Điều hòa treo tường 9000 BTU	Bộ	3
7	Điều hòa treo tường 9000 BTU	Bộ	1

8	Điều hòa treo tường 12000 BTU	Bộ	1
9	Mitshubishi Heavy 1.5HP-1145W- SRK12CM-5/SRC 12C	Bộ	1
10	Mitshubishi Heavy 1.5HP-1145W- SRK12CM-	Bộ	1

	5/SRC 12C (không có dàn nóng)		
11	Mitshubishi Heavy 2.0HP-1590W-SRK/SRC 18CL	Bộ	1
12	Máy lạnh Daikin 1.5HP (FTV35BXV1V/RV35BXV1V)	Bộ	1